

LỜI NGƯỜI DỊCH

Phạm Nguyễn Du (1739-1786) người làng Đặng Điền, huyện Chân Phúc, nay thuộc xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Trước có tên là Phạm Vỹ Khiêm, sau đổi là Phạm Nguyễn Du, tự là Hiếu Đức, hiệu là Thạch Động, Dưỡng Hiên và Hữu Pha. Ông từng thi đỗ Giải nguyên, dần được bổ làm Phó tri Công phiên. Năm 1775 cùng nhiều nho sĩ khác, ông được bổ kiêm Toàn tu ở Sử quán. Sau chuyển cử đại bình vào Đàng Trong, từ năm Giáp Ngọ 1774 đến đầu năm Ất Mùi 1775 quân Trịnh đã chiếm Phú Xuân. Năm 1776, ông đã dâng tờ tâu, trình bày cách xếp đặt công việc cai trị ở Thuận Hóa, được chúa khen ngợi, nên thăng làm Hàn lâm hiệu thảo. Tháng 7 năm ấy ông lại được thăng làm Giám sát ngự sử đạo Thuận Hóa, đi ngay vào quân thứ Phú Xuân để làm việc.

Tại đây, trong thời gian ngắn chỉ 6 tháng, đến cuối năm ông đã biên soạn xong *Nam hành ký đắc tập* để dâng lên vua Lê ngự lãm.

Sau khi tạm yên việc ở Thuận Hóa, vào tháng 2 năm Đinh Dậu 1777, ông được rút về kinh, được cử làm Thiêm sai tri Hình phiên trung phủ phủ Tiên Hưng.

Tháng 11 năm Kỷ Hợi 1779, chúa Trịnh Sâm mở thịnh khoa cho công sĩ cả nước, ông được lấy hạng trúng cách.

Tháng 12 năm ấy, vào thi Điện, ông và Lê Huy Trâm đỗ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân, Phạm Quý Thích và 12 người khác đỗ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Cuối đời, ông làm Đốc đồng trấn Nghệ An. Năm 1786, quân Tây Sơn từ Phú Xuân tiến thẳng ra Bắc, chiếm thành Nghệ An. Phạm Nguyễn Du chạy lên vùng Thanh Chương, Nam Đàn, chiêu mộ quân sĩ chống cự. Theo lời ghi của Nguyễn Văn Tú trong phụ lục của *Nam hành ký đắc tập*, thì trong khi giao chiến với quân Tây Sơn, do quân yếu, nên ông đã tuần tiết trong hang đá.

Mặc dù cuộc đời ngắn ngủi, ông đã để lại nhiều trước tác, như:

- *Đoạn trường lục*
- *Độc sử si tưởng*
- *Nam hành ký đắc tập*
- *Chu huấn toàn yếu*
- *Thạch Động thi văn sao*
- *Luận ngữ ngu án.*

Riêng *Nam hành ký đắc tập*, biên soạn tại Thuận Hóa, gồm 4 quyển:

- Quyển 1: *Nghị luận tâm nguyên*, bao gồm các bài bàn về cách dùng người, về binh lính của cải, về hình thế, về phong tục, về tình người, về xa hoa kiêu ước, về tiết nghĩa, bài tổng luận và bài luận về trấn Hà Tiên.

- Quyển 2: *Thi văn toàn yếu* là sưu tập thơ văn của các danh sĩ, tài nữ ở Đàng Trong như Nguyễn Cư Trinh, Ngô Thế Lân, Trần Thụy, Hồ Tông Diên, Nguyễn Phúc Dục, Mạc Thiên Tứ, Phạm Lam Anh, Nguyễn Dưỡng Hạo.

- Quyển 3: *Thư trát - tạp văn*: gồm các thư của Phạm Nguyễn Du trình lên quan đại tướng, và các bài văn cáo tế trời đất, thần linh, vong linh viết thay cho quan đại tướng.

- Quyển 4: *Khách thứ ngẫu thành*, gồm 30 bài thơ và 2 bài phú của Phạm Nguyễn Du sáng tác trong lúc ở Phú Xuân.

Mảng sáng tác này bộc lộ xu hướng phê phán hiện thực và thể hiện tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa của ông. Đó là những cảm xúc và suy tư của ông trước thảm trạng của xã hội Phú Xuân, vạch trần những bất công và suy thoái tại Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Khoát và Nguyễn Phúc Thuần, đặc biệt là nỗi niềm đau xót của ông trước cảnh dân tình đói khổ, lưu tán, chết không người chôn cất, chỉ vùi lấp nơi ngòi rãnh.

Đây là những hình ảnh đau xót nhất:

“Xác chết đói tanh chừ khắp thành thị,
Người ốm gây thối chừ trên đường lộ”

Hay:

“Sau chiến tranh chừ gây dịch, gây oan,
Đã mất mùa chừ lại thêm dịch lệ.
Mịt mù u uất chừ, đen tối mệnh mang”.

(*Xuân thành đông vũ phú*)

Đứng trên lập trường của một nhà Nho hành đạo cứu đời, ông muốn đem giáo hóa của thánh hiền phổ biến tại Phú Xuân.

Các phân tích nguyên nhân suy sụp của Phú Xuân đều quy về luật “âm dương tiêu trưởng”: “Này đức mỏng mà nhiều đại công, trí lực giảm mà số đắc chí, người ngu lấy làm vui, triết nhân lấy làm lo, kẻ thức giả vốn biết âm đang phôi thai từ đó. Đến thời Phúc Chu [...] cơ của họa đã manh nha [...] Cái sở dĩ gây ra “mất” là do “được” sai khiến vậy. Cái sở dĩ gây ra “loạn” là “trị” sai khiến vậy.” (Trích Tổng luận Quyển 1).

Quan điểm của ông là quan điểm của nhà Nho chính thống, lấy triều đình Lê - Trịnh làm đại diện duy nhất cho chính nghĩa, phê phán các chúa Nguyễn không giữ phận bề tôi.

Mặc dù có thể có nhiều bất cập trong nhận thức, nhưng tâm huyết và bản lĩnh của Phạm Nguyễn Du khi soạn *Nam hành ký đắc tập* lại đáng trân trọng.

Rải rác trong thời gian từ sau 1975, một số soạn giả làm tuyển tập thơ văn đã phiên âm và dịch nghĩa một số bài thơ của Phạm Nguyễn Du trong *Nam hành ký đắc tập*. Bài phú *Lư Khê nhàn điệu* đã được Giản Chi dịch và công bố trong tập “Kỷ yếu 250 năm thành lập Tao đàn Chiêu Anh Các (1736-1986)” do Sở Văn hóa và Thông tin Kiên Giang xuất bản năm 1987. Riêng hai bài phú: *Xuân thành đông vũ* và *Kiến Nguyễn thị di cung* đã được Trần Trọng Dương phiên âm, dịch nghĩa, công bố trong “Thông báo Hán Nôm học năm 2004”.

Như vậy, việc giới thiệu Phạm Nguyễn Du và *Nam hành ký đắc tập* trước đây chỉ là sơ khởi.

Đối với những bằng hữu của Phạm Nguyễn Du, năm 1777 từng đề tựa cho *Nam hành ký đắc tập* như Bùi Huy Bích, Ninh Tôn, Phạm Thiên Nhất thì tác phẩm này quả có nhiều giá trị. Nhưng đối với người đọc ngày nay thì *Nam hành ký đắc tập* không thể sánh với *Phủ Biên tạp lục*. Tuy thế hai mảng: sưu tập thơ văn của các nhân vật ở Đàng Trong và thơ văn sáng tác của tác giả năm 1776 đã giúp cho người hôm nay có dịp tiếp cận với sáng tác của các danh sĩ, tài nữ Nam Hà như Hồ Tông Diên, Nguyễn Phúc Dục, Nguyễn Dưỡng Hạo, Phạm Lam Anh và bổ sung thơ văn của các tác giả nổi tiếng như Nguyễn Cư Trinh, Mạc Thiên Tứ, Ngô Thế Lân. Đặc biệt là 30 bài thơ và 2 bài phú do chính ông sáng tác ở Phú Xuân đã là những đau xót, dằn vặt, trăn trở của chính ông trước thảm kịch đen tối của nhân dân và binh lính tại Phú Xuân.

Ở đây, những điều ghi lại được trong chuyến công cán tại Phú Xuân được biểu đạt theo góc độ của một nhà thơ thâm đắm tình người.

Đây là tác phẩm - chứng nhân một thời của Huế năm 1776, sau trận hành quân xâm chiếm của Lê - Trịnh diễn ra thảm trạng mất mùa đói khát, người chết lẫn nơi đường sá, ngôi rãnh, và bệnh dịch hoành hành, là những trang sử đen tối của Huế, mà người đọc trước nay chưa được tiếp cận toàn diện.

Vì thế chúng tôi đã nỗ lực phiên dịch tác phẩm này, để giới thiệu với bạn đọc. Có thể còn nhiều sai sót bất cập, xin lượng thứ mà bỏ chính cho.

Người dịch

Trần Đại Vinh